TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 05/2021/DSST.
Ngày: 04/6/2021.
Về việc " Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Tuấn.
Các hội thẩm nhân dân:
Ông Tạ Văn Việt - Cán bộ hưu trí.
Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Cán bộ hưu trí
- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Bà Minh ThịThu Hòa - Cán bộ Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Thủy- Kiểm sát V.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2020/TLST-DS, ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-DS ngày 07/5/2021, giữa các đương sự :

-Nguyên đơn: 1. Anh Lưu Đại P, sinh năm 1981
2. Chị Phạm Thị V, sinh năm 1987
Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận
-Bị đơn: Ông Phạm Ngọc B, sinh năm 1959
Địa chỉ: Thôn Th, xã H, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận
Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn anh Lưu Đại P và chị Phạm Thị V trình bày: Vào năm 2017, vợ chồng tôi và ông Phạm Ngọc B có cùng đấu tư trồng cây thanh long.Do làm ăn thất mùa nên chúng tôi không cùng ông B làm ăn chung nữa. Trong quá trình làm ăn, ông B có mượn của vợ chồng tôi tổng cộng só tiền là 33.330.000 đồng, gồm có: số tiền mượn chi tiêu cá nhân là 22.200.000 đồng, nợ số tiền thua lỗ làm thanh long chung là 8.500.000đồng, tiền điện 1.290.000 đồng, tiền phân bón là 1.340.000 đồng. Nay chúng tôi khởi kiện yêu cầu ông Phạm Ngọc B trả cho vợ chồng tôi số tiền 33.330.000 đồng và tính lãi trong giai đoạn thi hành án. Tại phiên tòa hôm nay, vợ chồng anh Lưu

Đại P và chị Phạm Thị V chỉ khởi kiện yêu cầu ông Phạm Ngọc B phải trả cho vợ chồng anh Lưu Đại P và chị Phạm Thị V số tiền nợ là 22.200.000 đồng, không yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án

-Bị đơn ông Phạm Ngọc B trình bày: Bị đơn thừa nhận có mượn của nguyên đơn số tiền là 22.200.000 đồng để chi tiêu cá nhân. Bị đơn không đồng ý trả số tiền 22.200.000 đồng cho vợ chồng anh Lưu Đại P và chị Phạm Thị V. Trong quá trình thu thập chứng cứ và hòa giải, bị đơn thừa nhận giấy hẹn nợ lập ngày 24/6/2020(AL) là do bị đơn lập. Tuy nhiên, sau ngày 24/6/2020 (AL), bị đơn có trả cho vợ chồng anh Lưu Đại P và chị Phạm Thị V số tiền 7.000.000 đồng, bị đơn chỉ còn nợ của nguyên đơn là 15.200.000 đồng nhưng không đồng ý trả do nguyên đơn tự ý chấm dứt hợp đồng. Tại phiên tòa, bị đơn công nhận có nợ của nguyên đơn là 22.200.000 đồng. Bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn với điều kiện là phải chờ bị đơn làm đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu chia tiền lãi khi đầu tư chung làm thanh long, bị đơn lấy tiền này để trả cho nguyên đơn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B P biểu ý kiến đối với vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Việc chấp hành pháp luật của nguyên, bị đơn đúng theo quy định tại các điều 70,71BLTTDS năm 2015 đảm bảo quyền và lợi ích của nguyên, bị đơn trong vụ án. Về thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 116; Điều 463; Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng anh Lưu Đại P và chị Phạm Thị V buộc bị đơn Phạm Ngọc B phải trả cho vợ chồng anh Lưu Đại P và chị Phạm Thị V số tiền nợ là 22.200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.Bị đơn có địa chỉ tại thôn Th, xã H, huyện B, Bình Thuận. Căn cứ khoản 3, Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về yêu cầu của đương sự :

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Phạm Ngọc B trả số tiền nợ là 22.200.000 đồng và không yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án. Ông Phạm Ngọc B thừa nhận có nợ của nguyên đơn là 22.200.000 đồng nhưng không đồng ý trả. Bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn với điều kiện là phải chờ bị đơn làm đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu chia tiền lãi khi đầu tư chung làm thanh long, bị đơn lấy tiền

này để trả cho nguyên đơn

Hội đồng xét xử xét thấy: Số tiền nợ mà bị đơn thống nhất có nợ của nguyên đơn là 22.200.000 đồng. Trong giai đoạn thu thập chứng cứ, hòa giải, bị đơn thừa nhận có nợ của nguyên đơn là 22.200.000 đồng và khai có trả cho nguyên đơn số tiền nợ là 7.000.000 đồng và chỉ còn nợ của nguyên đơn là 15.200.000 đồng nhưng không đồng ý trả do nguyên đơn số tiền là 15.200.000 đồng do nguyên đơn tự ý chấm dứt hợp đồng. Song bị đơn không chứng minh được số tiền nợ đã trả 7.000.000 đồng được thực hiện sau ngày lập giấy hẹn nợ lập ngày 24/6/2020(AL). Xét lời khai nại của bị đơn tại phiên tòa là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẻ, trong giai đoạn thu thập chứng cứ, hòa giải, bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn về việc yêu cầu chia tiền lãi khi đầu tư chung làm thanh long. Nếu có tranh chấp giữa các đương sự về việc yêu cầu chia tiền lãi khi đầu tư chung làm thanh long thì ông Phạm Ngọc B được quyền khởi kiện vợ chồng anh Lưu Đại P và chị Phạm Thị V để được giải quyết trong vụ án dân sự khác. Ngoài những lời khai nại trên, bị đơn cũng không đưa ra được chứng cứ nào khác để chứng minh bị đơn đã trả số tiền nợ 22.200.000 đồng cho nguyên đơn. Vì vậy, HĐXX nghĩ nên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ là 22.200.000 đồng.

[3]Do bị đơn thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí DSST theo quy định của pháp luật.

[4]Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đối với vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 5 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 116; Điều 463;Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Xử buộc ông Phạm Ngọc B phải cho trả vợ chồng anh Lưu Đại P và chị Phạm Thị V số tiền nợ là 22.200.000 đồng

2.Về án phí:

Miễn án phí DSST cho ông ông Phạm Ngọc B

Trả lại cho vợ chồng anh Lưu Đại P và chị Phạm Thị V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 833.250 đồng mà vợ chồng anh Lưu Đại P và chị Phạm Thị V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006597 ngày 09/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Nguyên, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

THÀNH V HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DUNG **TẠ VĂN VIỆT** **LÂM QUỐC TUẤN**

Nơi nhận
-VKS B.
-Các đương sự
-Lưu h/s.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

LÂM QUỐC TUẤN